

ĐÁNH GIÁ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TẠI VƯỜN QUỐC GIA BIDOUP-NÚI BÀ

Ngô Thị Liên

ntbichlien1411@gmail.com

Ngày nhận bài: 8/6/2018, Ngày duyệt đăng: 7/8/2018

Tóm tắt

Nghiên cứu tiến hành nhằm đánh giá sự tham gia của người dân trong hoạt động du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Nghiên cứu được tiến hành bằng phương pháp điều tra qua bảng câu hỏi phỏng vấn trực tiếp từng hộ gia đình. Kết quả cho thấy ba vấn đề chính: (1) Mức độ tham gia của cộng đồng còn thụ động, cộng đồng tham gia từng nhóm và được trả công, cộng đồng tham gia đóng góp ý kiến cho quá trình lập kế hoạch phát triển nhưng quyền quyết định vẫn phụ thuộc vào Ban Quản lý Vườn; (2) Xác định được bốn yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tham gia của người dân bao gồm độ tuổi, trao đổi văn hóa, trình độ học vấn, thời gian sinh sống; (3) Thái độ của cộng đồng đối với phát triển du lịch là rất tích cực, những người tham gia du lịch có thái độ và nhận thức tích cực hơn những người không tham gia du lịch. Dựa trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra một số giải pháp hướng đến phát triển du lịch bền vững tại Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà.

Từ khóa: du lịch sinh thái, cộng đồng

Assessing community participation in ecotourism development at Bidoup Nui Ba National Park

Abstract

This study aimed at assessing the community participation in ecotourism at Bidoup Nui Ba National Park in Lac Duong District, Lam Dong Province. A qualitative exploratory study was conducted by questionnaire survey direct interview each household. The findings showed that: (1) Community participated as responses to call to action and got paid for their participation. They gave ideas for development planning, but the National Park Management Board reserved the right to make decisions. (2) Four variables related to community's participation included age, culture exchange, literacy, and residence period. (3) Local residents held positive attitudes towards tourism development because of benefits is created by tourism. It was the participants who had more positive attitudes and understandings than non-participants. This is the basis for proposing some solutions towards sustainable tourism development at Bidoup Nui Ba National Park.

Keywords: eco-tourism, community, Bidoup Nui Ba National Park, tourism development

1. Đặt vấn đề

Mô hình phát triển du lịch sinh thái là một trong những giải pháp giúp giảm áp lực cho các vườn quốc gia, các khu bảo tồn, là một công cụ giúp cho quản lý rừng bền vững. Theo đó, du lịch sinh thái là một trong những cơ hội mới để tạo thu nhập từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà không phá hủy môi trường (Neth, 2008) và theo nghiên cứu của Isaac (2012) tại Sirigu, Ghana cho thấy hoạt động du lịch sinh thái như là một phương tiện để nâng cao sinh kế của người dân.

Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà (VQGBNB) nằm trên địa bàn 5 xã của huyện Lạc Dương và

một phần nhỏ xã Đa Tông, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Toàn bộ các xã đều nằm ở vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn, có diện tích lớn và dân cư thưa thớt. Là khu vực sinh sống của 5.067 hộ (26.028 người) chủ yếu đồng bào dân tộc thiểu số và có sinh kế phụ thuộc vào nông nghiệp (83,4%). Theo thống kê, tỷ lệ hộ nghèo trong khu vực tăng lên do năng suất nông nghiệp rất thấp và đất canh tác hạn chế cho mỗi hộ gia đình. Do đó, người dân sống trong và xung quanh VQGBNB bắt buộc phải chuyển đổi đất rừng thành đất canh tác đe dọa đến đa dạng sinh học của VQGBNB. Mô hình phát triển du lịch sinh thái (DLST) dựa vào cộng đồng đã được áp

dụng tại VQGBNB từ năm 2011 đến nay và việc đánh giá sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch là một khâu quan trọng nhằm tìm ra những mặt còn hạn chế, kịp thời khắc phục sửa chữa tăng cường tính bền vững cho hoạt động du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Đánh giá mức độ tham gia của cộng đồng

Sự tham gia của cộng đồng là một quá trình và trải qua rất nhiều bậc của sự phát triển cùng với sự khuyến khích và hướng dẫn từ những người có chuyên môn bên ngoài. Mỗi bậc mô tả một mức độ khác nhau của sự tham gia của tổ chức bên ngoài với sự kiểm soát địa phương và phản ánh các mối quan hệ quyền lực giữa họ (Bảng 1).

Bảng 1. Mức độ tham gia của cộng đồng

Mức độ tham gia cộng đồng					
Tosun (1999)	Arnstein (1969)		Deshler and Sock (1985)		Pretty (1995)
Tham gia tự phát	Quyền của công dân	Người dân quản lý	Trao quyền	Tham gia tích cực	Tham gia tự giác
		Ủy quyền	Hợp tác		Tham gia tương tác
		Hợp tác			
Tham gia bị cảm hóa	Tham gia theo quy định	Thỏa hiệp	Khuôn khổ/ quy định	Tham gia thụ động	Tham gia chức năng
		Tham vấn			Tham gia bằng động cơ vật chất
		Thông báo			Tham gia tư vấn
Tham gia bị cưỡng chế	Không tham gia	Vận động	Thuyết phục		Tham gia cung cấp thông tin
		Lôi kéo			Tham gia thụ động

Nguồn: Tổng hợp theo Pretty (1995); Patwary (2008); Keovilay (2012)

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng

Briedenhann và Wickens (2004) đã chỉ ra rằng sự hiểu biết của cộng đồng về các chi tiết của dự án, về tầm quan trọng của DLST là một yếu tố rất quan trọng có ảnh hưởng đến mức độ tham gia của cộng đồng. Nghiên cứu này được tiến hành ở khu vực Nam Phi và nó đã được chứng minh rằng thiếu nhận thức về giá trị của tài nguyên du lịch, dẫn đến sự miễn cưỡng và thiếu nhiệt tình tham gia vào các hoạt động phát triển du lịch trong khu vực.

Theo Lee (2013) sự gắn bó với cộng đồng có thể ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân cho phát triển du lịch. Phản ánh liên kết giữa cá nhân với cộng đồng, đánh giá sự trung thành của cá nhân với nơi này.

Những nghiên cứu khác cũng chỉ ra rằng trình độ dân trí thấp như là một trở ngại đầu tiên cho sự tham gia của cộng đồng trong bất kỳ kế hoạch du lịch sinh thái nào (Thakadu, 2005). Một nghiên cứu của Lise (2000) về sự tham gia của các chủ quản lý và bảo tồn rừng ở Ấn Độ,

dân làng biết chữ có nhiều khả năng để tham gia vào một dự án phát triển rừng hơn so với những người mù chữ.

Yếu tố giới tính đã ảnh hưởng rất nhiều sự tham gia của cộng đồng trong các dự án phát triển. Lý do cho sự quan trọng của phụ nữ trong các hoạt động du lịch sinh thái là bởi vì họ là những người thường xuyên tiếp xúc với quản lý phòng của khách sạn, chuẩn bị thức ăn và cung cấp các sản phẩm truyền thống như thủ công mỹ nghệ hay thổ cẩm dệt (Cassidy, 2001). Trong một vài trường hợp, người phụ nữ bận rộn với công việc trang trại, gánh nặng chăm sóc gia đình làm giảm cơ hội tham gia của phụ nữ trong các nhóm (Thakadu, 2005).

Ngoài các yếu tố nêu trên thì yếu tố nguồn nhân lực và độ tuổi cũng ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng trong các dự án phát triển (Dương Thị Minh Phương, 2015).

Đánh giá tác động tham gia du lịch sinh thái đến thái độ và nhận thức của người dân

Theo nghiên cứu của Keovilay (2012) đã ghi nhận những tác động tích cực và tiêu cực của du

lịch mang lại chẳng hạn như: cơ hội việc làm cải thiện mức sống, cải thiện chất lượng kinh tế, đầu tư tăng lên việc làm và lợi nhuận của các doanh nghiệp địa phương tăng. Đồng thời, nghiên cứu cũng tìm thấy sự hỗ trợ cho những lợi ích văn hóa tích cực của du lịch và du lịch không ảnh hưởng đến tỷ lệ tội phạm. Ngoài ra, Gilbert và Clark (1997) cho rằng người dân cảm thấy du lịch khuyến khích các hoạt động văn hóa, cải thiện di sản văn hóa. McCool và Martin (1994) ghi nhận rằng du lịch dẫn đến phát triển các vườn quốc gia và nhiều cơ hội vui chơi giải trí (Perdue và cộng sự, 1990). Mặt khác, phát triển du lịch có ảnh hưởng đến các đặc điểm văn hóa xã hội của cư dân như thói quen hàng ngày, niềm tin, giá trị và đời sống xã hội. Những yếu tố này có thể, lần lượt dẫn đến căng thẳng tâm lý, hoạt động du lịch có thể dẫn đến một sự mất mát bản sắc dân tộc và văn hóa địa phương nếu tốc độ tăng trưởng cao được đi kèm với kế hoạch và quản lý yếu kém.

Các nghiên cứu trên chỉ rõ các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân trong du lịch và khẳng định sự tham gia của cộng đồng có vai trò quyết định thành công của mô hình du lịch sinh thái. Do đó, đề tài tiên hành đánh giá sự tham gia của người dân với ba khía cạnh trên nhằm tìm ra những điểm còn hạn chế đảm bảo sự thành công mô hình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà.

2.2. Phương pháp

Các dữ liệu chính được thu thập thông qua điều tra bằng bảng câu hỏi. Nghiên cứu sẽ tiến hành đến từng hộ gia đình để phỏng vấn trực tiếp với người dân địa phương để đảm bảo người được phỏng vấn hiểu và trả lời đúng với nội dung cần nghiên cứu.

Số lượng mẫu điều tra được xác định theo công thức của Yamane (1967) $n = N/[1 + N(e^2)]$. Tổng số hộ xã Đa Nhim và thôn K'long K'lanh tại xã Đa Chais là $N=541$, sai số được chọn là $\pm 10\%$ (0.1). Cỡ mẫu được tính theo công thức trên là: $n = 541/[1 + 541(0,1)^2] = 85$ hộ, phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên không lặp lại cho đến khi đủ số lượng theo dung lượng mẫu: số lượng mẫu bao gồm toàn bộ những người tham gia du lịch và số lượng mẫu không tham gia chia đều tại 4 thôn.

Kết quả nghiên cứu được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả để xác định đặc điểm nhân khẩu học và mức độ tham gia du lịch của người dân; mô hình hồi quy nhị phân Binary logistic được sử dụng để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tham gia của người dân. Bên cạnh đó, phương pháp kiểm định t-test trung bình hai mẫu độc lập dùng để đánh giá sự khác biệt về thái độ và nhận thức của những người tham gia và không tham gia về tác động của du lịch sinh thái;

3. Kết quả và thảo luận

Bảng 2. Tình hình thực hiện du lịch của cộng đồng tham gia du lịch

Đặc điểm	Người n=40	Tỷ lệ %
Hình thức tham gia hoạt động du lịch		
1. Quản lý hoạt động du lịch	0	0,0%
2. Hướng dẫn viên	13	32,5%
3. Biểu diễn nghệ thuật	9	22,5%
4. Nghề thủ công truyền thống	7	17,5%
5. Khuân vác, vận chuyển	2	5,0%
6. Khác (nhà nghỉ, nhà hàng...)	0	0,0%
7. Cả 2 và 3	8	20,0%
8. Cả 3 và 4	1	2,5%
Khoảng thời gian tham gia du lịch (năm)		
Dưới 1 năm	4	10,0%
1-3 năm	14	35,0%

Trên 3 năm	22	55,0%
Thời gian tham gia du lịch bao nhiêu ngày/tháng?		
Dưới 2 ngày	27	68,0%
2-3 ngày	6	15,0%
4 - 5 ngày	7	18,0%
Mức thu nhập bình quân trong tháng từ du lịch		
Dưới 500.000	33	82,5%
500.000 – 1.500.000	7	17,5%
>1.500.000-3.000.000	0	0,0%
>3.000.000	0	0,0%
Thu nhập từ hoạt động du lịch đã hỗ trợ cho cuộc sống của Ông/bà như thế nào?		
Không đáng kể	33	82,5%
Hỗ trợ một phần	7	17,5%
Đủ cho sinh hoạt	0	0,0%

Đánh giá mức độ tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch

Hình thức tham gia của người dân trong hoạt động du lịch thể hiện ở Bảng 2, người dân tham gia với 3 nhóm chính là hướng dẫn viên bao gồm khuôn vác và vận chuyển, biểu diễn nghệ thuật, nghề thủ công truyền thống. Có những người tham gia với nhiều hình thức nhằm nâng cao thu nhập. Kết quả điều tra cho thấy hình thức tham gia của người dân còn nhiều hạn chế do hoạt động du lịch chưa khuyến khích được các dịch vụ hỗ trợ khác như nhà nghỉ, buôn bán, ăn uống kèm theo. Hiện tại vẫn còn một nhóm cộng đồng đã được đào tạo để phục vụ mô hình homestay từ năm 2012 nhưng đến nay mô hình chưa phát triển nên không thể tham gia du lịch.

Sự tham gia của người dân vào hoạt động du lịch còn rất hạn chế. Người dân hầu như thiếu thông tin về hoạt động du lịch, thông tin chỉ tập trung một số đại diện của cộng đồng. Tần suất tham gia các cuộc họp của người dân chỉ một hai lần hoặc không tham gia, nên cơ hội để người dân đóng góp ý kiến vào quá trình lập kế hoạch phát triển du lịch là rất thấp. Mức độ tham gia của người dân trong hoạt động du lịch sinh thái hiện nay hình thành các nhóm cộng đồng để phục vụ nhu cầu du lịch và được trả tiền công, người dân cũng tham gia vào quá trình đóng góp ý kiến phát triển du lịch nhưng quyền ra quyết định vẫn thuộc Ban Quản lý Vườn.

Người dân được nhận thông tin tham gia thực hiện các hoạt động du lịch nhưng không có sự ảnh hưởng đến việc ra quyết định và quản lý lợi nhuận, quyền kiểm soát và ra quyết định vẫn thuộc ban quản lý vườn. Do đó, mục tiêu trao quyền quản lý hoạt động du lịch cho cộng đồng vẫn chưa đạt được.

Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng

Từ các hệ số hồi quy (Bảng 3) ta có mô hình hồi quy như sau:

$$\ln \left[\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right] = (-2,432) - (0,181) \text{ Tuổi (X2)} + (0,202) \text{ TDHV (X3)} + (0,866) \text{ TDVH (X4)} + (0,113) \text{ TGSS (X6)}$$

Xác suất trung bình chấp nhận tham gia của người dân được tính từ phương trình: $P = 1/(1 + e^{-(-2,432 - 0,181 * \text{Tuổi (X2)} + (0,202) \text{ TDHV (X3)} + (0,866) \text{ TDVH (X4)} + (0,113) \text{ TGSS (X6)})}) = 1/(1 + e^{-(-2,432 - (0,181 * 30,49) + (0,202 * 7,39) + (0,866 * 3,45) + (0,113 * 26,92)})} = 1/(1 + e^{-0,42825}) = 39,45\%$

Từ kết quả của phương trình trên ta có thể kết luận khả năng chấp nhận tham gia du lịch của người dân địa phương là rất thấp 39,45%.

Phân tích mức độ tác động và ý nghĩa của các yếu tố trong mô hình

Liên hệ kết quả và thực tế cho thấy, biến có tác động mạnh mẽ quyết định tham gia của cộng đồng trong hoạt động du lịch tại Vườn quốc

Bảng 3. Kết quả ước lượng hồi quy

Biến giải thích	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn	Kiểm định Wald	Chỉ số Sig.	Exp(B)
TUOI	-0,181	0,089	4,142	0,042	0,834
TDHV	0,202	0,112	3,236	0,072	1,224
TDVH	0,866	0,422	4,218	0,040	2,377
TGSS	0,113	0,065	2,999	0,083	1,120
C	-2,432	3,096	0,617	0,432	0,088

Giá trị Sig = 0.000 trong kiểm tra sự phù hợp của các hệ số

-2 log likelihood = 81,053

Cox & Snell R Square = 0,349

Nagelkerde R Square = 0,466

Overall Percentage = 77,6

gia Bidoup Núi Bà là biến trao đổi văn hóa là mong muốn của người dân được gặp gỡ với du khách và trao đổi văn hóa vào dịp cuối tuần, đây là niềm vui, sự mới mẻ và là sự khác biệt trong cuộc sống làm nông bình dị hàng ngày của người dân. Và yếu tố độ tuổi làm giảm khả năng tham gia của người dân trong hoạt động du lịch, người có độ tuổi càng cao càng có ít khả năng tham gia du lịch.

Đồng thời các biến làm tăng khả năng tham gia của người dân là trình độ học vấn giúp tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp nhận thông tin, tham gia các lớp tập huấn về kiến thức và kỹ năng do Ban Quản lý Vườn tổ chức, góp phần nâng cao hiệu quả trong suốt quá trình hoạt động của dự án. Bên cạnh đó, yếu tố thời gian sinh sống là sự gắn bó của người dân với cộng đồng địa phương, là sự đam mê và mong muốn gìn giữ văn hóa truyền thống, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên của địa phương. Hiện tại, số tour du lịch còn rất hạn chế, thu nhập từ hoạt động du lịch mang lại rất thấp và không đáng kể, nên yếu tố thời gian sinh sống tại địa phương là rất quan trọng.

Đánh giá tác động tham gia du lịch đến thái độ và nhận thức của cộng đồng về du lịch sinh thái.

Kết quả kiểm định sự khác biệt thái độ và nhận thức giữa hai nhóm cộng đồng (Bảng 4) cho thấy với các biến thái độ và nhận thức, kinh tế, văn hóa, môi trường, bảo tồn có sự khác biệt trong nhận thức của hai nhóm tham gia và không tham gia, nhóm tham gia có nhận thức về các tác động của du lịch tích cực hơn nhóm

không tham gia. Riêng về mặt xã hội không có sự khác biệt đáng kể về mặt nhận thức của hai nhóm. Kết quả trả lời bảng câu hỏi cho thấy hầu hết người dân trong thôn đều có thái độ tích cực mong muốn du lịch phát triển hơn nữa và sẵn sàng hỗ trợ phát triển du lịch trong thôn. Cụ thể:

Về mặt kinh tế, hiệu quả mà hoạt động du lịch mang lại chưa cao. Nhưng người dân đều có thái độ tích cực du lịch sẽ nâng cao thu nhập của họ và chính quyền địa phương. Hiện tại những người không tham gia chưa nhận thấy được những lợi ích về mặt kinh tế mà hoạt động du lịch mang lại do thiếu thông tin. Hiện tại doanh thu từ du lịch một phần được trích ra làm quỹ cộng đồng hỗ trợ cho vay ưu tiên lãi suất thấp hỗ trợ xoay vòng, vay mượn phân bón... nhưng người dân không biết nguồn gốc của nguồn quỹ này.

Về mặt văn hóa, người dân nhận thức rất tích cực các lợi ích của hoạt động du lịch mang lại về mặt văn hóa của địa phương, hiện tại số lượng du khách đến đây còn ít nên các tác động tiêu cực đến văn hóa của thôn chưa được ghi nhận.

Về mặt xã hội, môi trường và bảo tồn các tác động tiêu cực rất thấp và không đáng kể. Người dân vẫn có cái nhìn tích cực rằng đời sống người dân sẽ tốt hơn nếu du lịch phát triển. Tuy nhiên, những người không tham gia họ cảm thấy lo lắng rằng du lịch sẽ tác động đến môi trường mạnh hơn nếu số lượng du khách tăng lên.

Bảng 4. Kiểm định sự khác biệt nhận thức của hai nhóm cộng đồng

Đặc điểm		Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Sig (Levene)	Sig (Equal variance...)
Thái độ và nhận thức	Tham gia	3,9450	0,36791	0,360	0,000
	Không tham gia	3,3733	0,41473		
Kinh tế	Tham gia	3,4875	0,50304	0,232	0,000
	Không tham gia	2,9722	0,43700		
Xã hội	Tham gia	3,7500	0,41603	0,035	0,055
	Không tham gia	3,5444	0,55465		
Văn hóa	Tham gia	4,4000	0,27940	0,130	0,000
	Không tham gia	3,7037	0,34247		
Môi trường	Tham gia	3,9000	0,63246	0,118	0,004
	Không tham gia	3,5333	0,49441		
Bảo tồn	Tham gia	4,2250	0,54243	0,155	0,022
	Không tham gia	3,9111	0,67663		

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ tham gia của người dân trong hoạt động du lịch vẫn còn thấp, thụ động theo sự điều phối của Ban Quản lý vườn. Sự tham gia của người dân vào hoạt động du lịch phụ thuộc vào hai yếu tố chính là niềm vui mong muốn trao đổi văn hóa với du khách và độ tuổi của người tham gia.

Kết quả việc đánh giá thái độ của cộng đồng đối với phát triển du lịch là rất tích cực, những người tham gia du lịch có sự cảm nhận tích cực hơn những người không tham gia du lịch, người dân nhận thức tích cực lợi ích du lịch mang lại về mặt văn hóa - xã hội - môi trường và bảo tồn, còn về mặt kinh tế thì lợi ích được tạo ra chưa cao. Sự hạn chế tham gia của người dân chủ yếu do thu nhập mang lại từ du lịch còn rất thấp. Do đó, giải pháp quan trọng nhất cần thực hiện là Ban Quản lý vườn cần thu hút khách du lịch mang lại nguồn thu nhập. Các nghiên cứu trong tương lai cần theo dõi những thay đổi trong địa phương và đánh giá lại thái độ, nhận thức của người dân có được duy trì, du lịch có thể phát

triển bền vững trong cộng đồng này hay không.

Tài liệu tham khảo

- Briedenhann J. and Wickens E. (2004). Tourism Routes as a Tool for the Economic Development of Rural areas: Vibrant Hope or impossible Dream?. *Tourism Management*, 25 (1), pp. 71-79.
- Cassidy L. (2001). Improving Women's Participation in CBNRM in Botswana. CBNRM Support Programme, Occasional Paper, 5. Company Botswana, Gaborone, 35 pp.
- Dương Thị Minh Phương (2015). Barriers to community engagement in community based ecotourism framework – A case study of Talai Commune, Nam Cat Tien National Park Viet Nam. The International Conference on Finance and Economics. Ton Duc Thang University, Ho Chi Minh City, Vietnam, June 4th - 6th, 2015.
- Gilbert, D. and Clark, M. (1997). An explanatory examination of urban tourism impact, with

- reference to residents attitudes in the cities of Canterbury and Guildford. *Cities*, 14 (6), pp. 343-352.
- Gursoy, D., and Kendall, K.W. (2006). Hosting mega events e modeling locals support. *Annals of Tourism Research*, 33 (3), pp. 603-623.
- Isaac, M. and Conrad J.Wuleka, K. (2012). Community-Based cotourism and Livelihood Enhancement in Sirigu, Ghana. *International Journal of Humanities and Social Science*, 2 (18), pp. 97-108.
- McCool, S. F. and Martin, S.R. (1994). Community attachment and attitudes toward tourism development, *Journal of Travel Research*, 32 (2), pp. 29-34.
- Keovilay, T. (2012). Tourism and Development in Rural Communities: A Case Study of Luang Namtha Province, Lao PDR. MSc. Thesis. Lincoln University, pp. 24-34.
- Lee, T. H., 2013. Influence analysis of community resident support for sustainable tourism development. *Tourism Management*. 34, pp. 37-46.
- Lise, W., 2000. Factors Influencing People's Participation in Forest Management in India. *Ecological Economics*, 34, pp. 379-392.
- McCool, S. F. and Martin, S.R. (1994). Community attachment and attitudes toward tourism development, *Journal of Travel Research*, 32 (2), pp. 29-34.
- Neth, B., (2008). Ecotourism as a Sustainable Rural Community Development and Natural Resource Management in Tonle Sap Biosphere Reserve. Kassel: Kassel University press GmbH. ISBN 9783899584653. pp. 26-39.
- Patwary, H.K.M. (2008). Assessing Stakeholder Participation in Co-management activities at Chunati Wildlife Sanctuary. Connecting communities and conservation collaborative management of protected areas in Bangladesh. p. 138.
- Perdue, R.R., Long, P.T. and Allen, L.R. (1990). Residents suport for tourism development, *Annals of Tourism Research*, 17 (4), pp. 586-599
- Pretty J.N. (1995). Participatory Learning for Sustainable Agriculture. *World Development*, 23 (8), pp. 1247-1263.
- Rosenow, J.E. and Pulsipher, G.L. (1979). *Tourism, the good, the bad and theugly*. Lincoln: Century Three Press.
- Thakadu, O.T. (2005). Success factors in community based natural resources management in northern Botswana: Lessons from practice. *Natural Resources Forum*, 29, pp. 99 -212.
- Yamane, T., (1967): *Statistics: An Introductory Analysis*, 2nd ed., New York: Harper and Row.